

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 453/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2024

Về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Anh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Minh Loan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Lam - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị V, sinh năm 1990; số căn cước công dân: 036190021155; nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã M, thành phố N (huyện M cũ), tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số H đường Đ, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn T, sinh năm 1982; số căn cước công dân: 036082026082; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn T, xã M, thành phố N (huyện M cũ), tỉnh Nam Định. (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình nộp ngày 08-10-2024, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Lương Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố N (huyện M cũ) ngày 09-12-2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian đầu, khoảng từ năm 2014 trở lại đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T ít quan tâm đến cuộc sống gia đình. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để khắc phục mâu thuẫn nhưng hai bên không tìm được tiếng nói chung. Đến khoảng cuối năm 2023 đầu năm 2024, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, mâu thuẫn trở nên căng thẳng, anh T cứ mỗi lần uống rượu lại bạo hành, đánh đập, sự việc đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng vì hạnh phúc của gia đình nên chị vẫn cố gắng chịu đựng. Tuy nhiên thời gian gần đây do không thể chịu đựng được nên giữa tháng 7 năm 2024 chị đã chuyển ra ngoài thuê nhà để sinh sống vì lo sợ cho sức khỏe của mình. Vợ chồng chị cũng sống ly thân kể từ thời điểm đó và không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, để ổn định cuộc sống chị và các con, chị có nguyện vọng xin được ly hôn anh Phan Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung là Phan Thị Quỳnh A (giới tính: Nữ), sinh ngày 19-8-2010 và Phan Văn T1 (giới tính: Nam), sinh ngày 25-4-2013. Cháu Phan Thị Quỳnh A đang học lớp 9Đ, cháu Phan Văn T1 đang học lớp 6A ở trường THCS M. Hiện nay các con đang ở cùng với anh Phan Văn T và ông bà nội. Khi chị chuyển ra ngoài sinh sống chị cũng muốn đưa các con đi cùng nhưng vì sợ ảnh hưởng đến việc học tập của các cháu tại trường THCS M Tân nên chị để các cháu ở cùng bố, hàng tháng chị vẫn có trách nhiệm nộp tiền học cho các con. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Phan Thị Quỳnh A, anh T nuôi cháu Phan Văn T1. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 16-10-2024 bị đơn là anh Phan Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố N (huyện M cũ) vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian đến tháng 6 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau. Anh nhiều lần nhắc nhở chị V về việc dọn dẹp nhà cửa và chăm sóc con cái nhưng chị V vẫn không quan tâm và thường xuyên cãi lại. Anh xác nhận có túm tóc, đánh chị V, sự việc diễn ra nhiều lần nên chị V đã bỏ ra ngoài

sinh sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 đến nay. Sau khi chị V bỏ đi, anh có gọi điện thoại cho chị V với mong muốn hòa giải để chị quay về nhà với các con nhưng chị V không nghe. Nay chị V xin ly hôn quan điểm của anh là không nhất trí ly hôn với chị V mà mong muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Phan Thị Quỳnh A (giới tính: Nữ), sinh ngày 19-8-2010 và Phan Văn T1 (giới tính: Nam), sinh ngày 25-4-2013. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh Phan Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ tại chính quyền địa phương xác nhận:* Chị V và anh T cư trú tại thôn T, xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định, quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn có xảy ra cãi nhau, đánh nhau nên chị V đã chuyển ra ngoài sinh sống. Nay chị V làm đơn xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật."luật.

4. *Tại biên bản lấy lời khai ngày 16-10-2024:* Cháu Phan Thị Quỳnh A có nguyện vọng ở với mẹ Lương Thị V, cháu Phan Văn T1 có nguyện vọng ở với bố Phan Văn T.

5. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:*

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau, đánh nhau. Nay chị V có nguyện vọng ly hôn, xét hôn nhân của chị V và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử ly hôn giữa chị Lương Thị V và anh Phan Văn T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Phan Thị Quỳnh A (giới tính: Nữ), sinh ngày 19-8-2010 và Phan Văn T1 (giới tính: Nam), sinh ngày 25-4-2013. Xét nguyện vọng của chị V và anh T về việc nuôi con chung và điều kiện hoàn cảnh của mỗi bên, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con Phan Thị Quỳnh

A cho chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao con Phan Văn T1 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lương Thị V là nguyên đơn nên phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lương Thị V là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Phan Văn T là bị đơn đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Lương Thị V và anh Phan Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị V và anh Phan Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố N (huyện M cũ), tỉnh Nam Định ngày 09-12-2009 nên hôn nhân giữa chị V và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị V và anh T chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T mỗi lần uống rượu lại có hành vi dùng bạo lực với chị V. Sự việc đã được chị V báo chính quyền địa phương, tuy nhiên hai bên không hàn gắn được mâu thuẫn. Từ tháng 6 năm 2024 chị V đã chuyển ra ngoài sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Anh T2 không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn. Hiện tại, vợ chồng anh chị đang sống ly thân, cuộc sống chung không còn trên thực tế. Nay chị V xác định không còn tình cảm với anh T2 và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh T2 ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa chị V và anh T2 theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và tranh chấp nuôi con: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Phan Thị Quỳnh A (giới tính: Nữ), sinh ngày 19-8-2010 và Phan Văn T1 (giới tính: Nam), sinh ngày 25-4-2013. Khi ly hôn chị V có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng con Phan Thị Quỳnh A, anh T2 có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con Phan Thị Quỳnh A và Phan Văn T1. Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên đều có đủ điều kiện để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Để ổn định sinh hoạt và tâm lý của con khi bố mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử xét có căn cứ giao con Phan Thị Quỳnh A cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng, giao con Phan Văn T1 cho anh T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay con Phan Thị Quỳnh A đang ở cùng anh T2, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ buộc anh Phan Văn T có trách nhiệm giao con Phan Thị Quỳnh A cho chị Lương Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy sau khi ly hôn chị Lương Thị V và anh Phan Văn T mỗi người đều trực tiếp nuôi dưỡng một con chung, vì vậy hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị V và anh T đều xác nhận vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị Lương Thị V là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban o "Thường" thường vụ Quốc hội "Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lương Thị V và anh Phan Văn T.
2. Về con chung: Giao con Phan Thị Quỳnh A (giới tính: Nữ), sinh ngày 19-8-2010 cho chị Lương Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con Phan Văn T1 (giới tính: Nam), sinh ngày 25-4-2013 cho anh Phan Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Lương Thị V và anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Phan Văn T có trách nhiệm giao con Phan Thị Quỳnh A cho chị Lương Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng. (Hiện nay cháu Phan Thị Quỳnh A đang ở cùng anh T).

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

3. Về án phí: Chị Lương Thị V phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Lương Thị V đã nộp tại biên lai số 0002335 ngày 08-10-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lương Thị V và anh Phan Văn T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Lương Thị V và anh Phan Văn T có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự” ./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Nam Định;
- Chi cục THADS TP Nam Định;
- UBND xã Mỹ Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Trường